

Số: 126/2019/QĐST-HNGĐ

Trần Đề, ngày 11 tháng 9 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 187/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Khuru Tuyết L**; Sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Số 70A, đường Tỉnh lộ 8, Ấp H, xã T V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông **Lê Văn D**; Sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: Số AA, đường TL, Ấp H, xã T V, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào các điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Khuru Tuyết L và ông Lê Văn D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Khuru Tuyết L và ông Lê Văn D thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa bà Khuru Tuyết L và ông Lê Văn D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, do Ủy ban nhân dân xã H Đ, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 06-02-2001 chấm dứt kể từ ngày ban hành Quyết định này.

2.2. Về quan hệ con chung: Bà Khuru Tuyết L và ông Lê Văn D thống nhất xác định có ba con chung là Lê Thị Diễm T, sinh ngày 28-4-1993, Lê Thị Diễm P, sinh ngày 23-12-1994 và Lê Khải T, sinh ngày 07-10-1998. Hiện nay ba con chung đã thành niên, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Bà Khuru Tuyết L và ông Lê Văn D thống nhất xác định tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về nợ chung: Bà Khuru Tuyết L và ông Lê Văn D thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Khuru Tuyết L thống nhất chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005857, ngày 05-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Trả lại cho bà Khuru Tuyết L số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Lê Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- UBND xã H Đ, thị xã V;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV &THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thái Ngọc